

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 202

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.001	201A080359	Trần Đào Thái	An	08/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.02.002	201A030707	Trần Thanh	An	14/10/2002	Bình Phước		
3	VHU.TAB1.02.003	211A030311	Trần Thị Thùy	An	25/07/2003	Bình Thuận		
4	VHU.TAB1.02.004	201A080167	Trần Thị Xuân	An	08/03/2002	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.02.005	211A310007	Huỳnh Thiên	Ấn	25/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.02.006	211A140513	Châu Ngọc Lan	Anh	28/02/2003	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.02.007	191A070124	Dương Quốc	Anh	02/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.02.008	201A080365	Hoàng Ngọc Vân	Anh	11/02/2002	Đà Nẵng		
9	VHU.TAB1.02.009	211A070087	Huỳnh Thuý	Anh	15/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.010	221A320236	Lê Nhật	Anh	19/01/2004	Khánh Hoà		
11	VHU.TAB1.02.011	221A270052	Lê Thị Kim	Anh	28/03/2004	Sóc Trăng		
12	VHU.TAB1.02.012	201A010215	Nguyễn Lý Hồng	Anh	04/04/2002	An Giang		
13	VHU.TAB1.02.013	211A050040	Nguyễn Phan Văn	Anh	08/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.02.014	221A030325	Nguyễn Thế	Anh	23/03/2004	Ninh Bình		
15	VHU.TAB1.02.015	201A030312	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	15/10/2002	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.02.016	211A031368	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/11/2003	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.02.017	211A330024	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/07/2003	Kon Tum		
18	VHU.TAB1.02.018	171A010121	Nguyễn Tuấn	Anh	24/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.02.019	181A040041	Phạm Thị Quế	Anh	14/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.020	211A240043	Trần Đào Tuấn	Anh	23/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.02.021	211A220006	Trần Nguyễn Minh	Anh	05/11/2003	Bạc Liêu		
22	VHU.TAB1.02.022	211A030074	Trần Phạm Trung	Anh	30/04/2002	Lâm Đồng		
23	VHU.TAB1.02.023	211A210033	Trần Thế Trâm	Anh	25/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.024	211A031450	Trần Thị Lan	Anh	19/08/2003	Đắk Nông		
25	VHU.TAB1.02.025	201A030251	Trương Cao Quỳnh	Anh	18/11/2002	Bình Thuận		
26	VHU.TAB1.02.026	201A080255	Võ Phương	Anh	15/06/2002	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.02.027	211A050305	Vũ Thị Hoàng	Anh	29/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.02.028	221A050080	Mai Thị Ngọc	Ánh	18/11/2004	Phú Thọ		
29	VHU.TAB1.02.029	191A250034	Lê Tiểu	Băng	04/03/2001	Bến Tre		
30	VHU.TAB1.02.030	201A030487	Đỗ Nguyên	Bảo	03/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.031	211A070021	Dương Anh	Bảo	19/06/2003	Kiên Giang		
32	VHU.TAB1.02.032	201A110005	Lê Ngọc	Bảo	15/12/2002	Bình Định		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
33	VHU.TAB1.02.033	211A031028	Ngô Gia	Bảo	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.034	211A210149	Nguyễn Lâm Gia	Bảo	03/11/2003	Cà Mau		
35	VHU.TAB1.02.035	191A010062	Nguyễn Thế	Bảo	09/07/2001	Long An		
36	VHU.TAB1.02.036	191A070021	Phạm Chí	Bảo	11/02/2001	Kiên Giang		
37	VHU.TAB1.02.037	211A070084	Phạm Gia	Bảo	26/07/2003	Tiền Giang		
38	VHU.TAB1.02.038	201A030765	Phạm Ngọc	Bảo	14/08/2002	Bình Thuận		
39	VHU.TAB1.02.039	221A030945	Võ Hoài	Bảo	01/01/2004	Bình Dương		
40	VHU.TAB1.02.040	211A031201	Bùi Ngọc	Bích	25/02/2003	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.041	211A300036	Bùi Thị Ngọc	Bích	15/08/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.02.042	181A070149	Lý Văn	Bình	02/10/2000	An Giang		
3	VHU.TAB1.02.043	211A031046	Lê Thị Ngọc	Châm	17/12/2003	Tiền Giang		
4	VHU.TAB1.02.044	221A030233	Huỳnh Minh	Chánh	19/07/2004	Tiền Giang		
5	VHU.TAB1.02.045	211A230099	Giáp Thị Ngọc	Châu	03/09/2003	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.02.046	201A030325	Huỳnh Trần Ngọc	Châu	26/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.02.047	201A030191	Nguyễn Bảo	Châu	09/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.02.048	211A210018	Nguyễn Ngọc Kim	Chi	31/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.049	211A210034	Phạm Lan	Chi	25/07/2003	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.02.050	191A250018	Lê Quốc	Chí	29/10/2000	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.02.051	191A160097	Nguyễn Vũ	Chiến	05/08/2001	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.02.052	211A230203	Trần Văn	Chương	05/04/2003	Quảng Ngãi		
13	VHU.TAB1.02.053	211A030920	Trần Vĩnh	Đang	04/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.02.054	211A031156	Trần Võ Thanh	Danh	27/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.02.055	211A050127	Trang Thị Quỳnh	Dao	23/11/2002	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.02.056	221A030258	Nguyễn Thị Hồng	Đào	03/08/2004	Long An		
17	VHU.TAB1.02.057	201A010074	Châu Tấn	Đạt	17/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.058	201A310021	Nguyễn Thành	Đạt	12/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.02.059	211A290040	Nguyễn Tiến	Đạt	03/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.060	211A031211	Phạm Tiến	Đạt	02/12/2003	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.02.061	201A030710	Trương Tấn	Đạt	16/04/2002	Quảng Ngãi		
22	VHU.TAB1.02.062	211A040049	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	06/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
23	VHU.TAB1.02.063	201A070018	Lê Thị Ngọc	Diệp	01/01/2002	Bạc Liêu		
24	VHU.TAB1.02.064	211A030943	Đỗ Văn	Dinh	25/10/2003	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.02.065	201A030788	Lê Ngọc Như	Đồng	07/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.066	211A030042	Nguyễn Hoàng Kim	Dung	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.02.067	211A030346	Ngô Huy	Dũng	07/12/2003	Bình Phước		
28	VHU.TAB1.02.068	191A070042	Nguyễn Thị Ánh	Dương	01/03/2001	Lâm Đồng		
29	VHU.TAB1.02.069	211A030287	Đỗ Hoàng	Duy	27/01/2003	Đồng Nai		
30	VHU.TAB1.02.070	221A270029	Lê Hoàng	Duy	22/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.071	211A050100	Lê Nguyễn Thành	Duy	14/03/2003	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.02.072	211A230183	Ngô Nguyễn Khắc	Duy	29/01/2003	Tiền Giang		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
33	VHU.TAB1.02.073	211A050282	Nguyễn Đình	Duy	06/01/2003	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.02.074	211A210026	Đoàn Bùi Mỹ	Duyên	11/08/2003	Quảng Ngãi		
35	VHU.TAB1.02.075	201A170147	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07/07/2002	Bình Phước		
36	VHU.TAB1.02.076	211A040002	Trần Thị Mỹ	Duyên	19/10/2002	Trà Vinh		
37	VHU.TAB1.02.077	211A030813	Văn Thị	Duyên	03/06/2003	Bình Phước		
38	VHU.TAB1.02.078	201A010100	Nguyễn Văn Trọng	Em	17/06/2002	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.02.079	211A230145	Bùi Thị Vân	Giang	29/09/2003	Quảng Ngãi		
40	VHU.TAB1.02.080	221A050485	Đỗ Ngân	Giang	23/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT03
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.081	211A050301	Nguyễn Hương	Giang	29/12/2003	Tuyên Quang		
2	VHU.TAB1.02.082	211A080013	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	27/01/2003	Bạc Liêu		
3	VHU.TAB1.02.083	211A050368	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	21/02/2003	Quảng Ngãi		
4	VHU.TAB1.02.084	211A210228	Bùi Quỳnh	Giao	13/10/2003	Quảng Ngãi		
5	VHU.TAB1.02.085	201A030308	Huỳnh Thị	Giàu	13/03/2002	Bình Định		
6	VHU.TAB1.02.086	211A050035	Đỗ Thanh	Hà	27/05/2003	Bình Phước		
7	VHU.TAB1.02.087	201A030604	Nghiêm Thị Ngọc	Hà	12/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.02.088	211A150168	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.089	201A080288	Nguyễn Thị Song	Hà	15/08/2001	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.02.090	211A040157	Nguyễn Thị Mỹ	Hạ	23/02/2003	Quảng Nam		
11	VHU.TAB1.02.091	201A010039	Đoàn Ngọc	Hải	20/07/2002	Ninh Thuận		
12	VHU.TAB1.02.092	211A210133	Huỳnh Chí	Hải	16/09/2003	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.02.093	211A100034	Hồ Thị Ngọc	Hân	01/08/2002	Bến Tre		
14	VHU.TAB1.02.094	211A030123	Lê Gia	Hân	04/11/2003	Trà Vinh		
15	VHU.TAB1.02.095	211A050248	Nguyễn Gia	Hân	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.096	181A030474	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	07/12/2000	Long An		
17	VHU.TAB1.02.097	211A210078	Nguyễn Lương Gia	Hân	08/10/2003	Tiền Giang		
18	VHU.TAB1.02.098	191A210004	Nguyễn Ngọc Phương	Hân	28/05/2001	Kiên Giang		
19	VHU.TAB1.02.099	201A330005	Nguyễn Thị Thanh	Hân	14/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.100	201A070027	Nguyễn Thị Thu	Hân	01/12/2002	Bến Tre		
21	VHU.TAB1.02.101	221A300165	Nguyễn Thị Thu	Hân	21/09/2004	Bình Định		
22	VHU.TAB1.02.102	211A090003	Phan Phạm Trúc	Hân	18/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.02.103	181A210062	Trần Gia	Hân	06/12/2000	Tiền Giang		
24	VHU.TAB1.02.104	201A230100	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	30/06/2002	Ninh Thuận		
25	VHU.TAB1.02.105	211A031413	Lê Hồng	Hạnh	20/05/2003	Thanh Hoá		
26	VHU.TAB1.02.106	201A210132	Phạm Thị Hiếu	Hạnh	04/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.02.107	211A010262	Huỳnh Anh	Hào	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.02.108	211A010318	Lê Trọng	Hào	03/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.02.109	211A031498	Lê Văn	Hào	05/05/2003	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.02.110	181A070230	Nguyễn Trung	Hậu	16/09/2000	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.02.111	211A090020	Phạm Thị Mỹ	Hậu	15/12/2003	Bạc Liêu		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.112	191A170104	Bùi Thị Thục	Hiền	08/12/2000	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.02.113	201A080101	Đinh Thị Thu	Hiền	29/11/2002	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.02.114		Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/10/1992	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.02.115	211A031246	Phạm Thị Thanh	Hiền	08/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.02.116	201A160190	Phan Quang	Hiền	29/03/1999	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.02.117	201A040054	Vô Đặng Thu	Hiền	11/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.02.118	211A050186	Nguyễn Xuân	Hiệp	26/06/2003	Quảng Ngãi		
39	VHU.TAB1.02.119	221A080087	Nguyễn Trung	Hiếu	03/04/2004	Tiền Giang		
40	VHU.TAB1.02.120	221A270019	Phạm Trung	Hiếu	22/02/2004	Cà Mau		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT04
Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.121	211A031014	Nguyễn Danh	Hiệu	03/05/2003	Tiền Giang		
2	VHU.TAB1.02.122	211A030986	Trần Thị Thu	Hòa	09/07/2002	Thái Bình		
3	VHU.TAB1.02.123	211A050140	Đinh Thị	Hoài	17/07/2002	Nam Định		
4	VHU.TAB1.02.124	211A031056	Lâm Đức	Hoàng	23/04/2003	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.02.125	211A030460	Nguyễn Văn	Hoàng	01/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.02.126	201A030167	Phan Thị Thu	Hoàng	26/12/2002	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.02.127	231A370109	Trần Thị Phụng	Hoàng	15/10/2005	Bình Thuận		
8	VHU.TAB1.02.128	211A210086	Trương Minh	Hoàng	29/08/2003	Sóc Trăng		
9	VHU.TAB1.02.129	211A030679	Bùi Phạm Cẩm	Hồng	10/06/2003	Long An		
10	VHU.TAB1.02.130	211A300090	Đỗ Thị	Hồng	15/12/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
11	VHU.TAB1.02.131	211A210049	Nguyễn Trọng Bảo	Huế	05/03/2003	Phú Yên		
12	VHU.TAB1.02.132	246A030022	Bùi Văn	Hùng	01/11/1993	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.02.133	171A010026	Trần Vinh	Hùng	01/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.02.134	201A030355	Nguyễn Minh	Hung	22/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.02.135	201A030577	Phạm Vinh	Hung	15/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.136	211A040072	Đinh Thị Mai	Hương	09/12/2003	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.02.137	211A030240	Đỗ Thị Thanh	Hương	07/11/2003	Bình Phước		
18	VHU.TAB1.02.138	211A210324	Nguyễn Quỳnh	Hương	17/10/2003	Bình Định		
19	VHU.TAB1.02.139	211A040193	Nguyễn Thanh	Hương	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.140	211A230080	Văn Huỳnh	Hương	23/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.02.141	211A320060	Võ Thị Quỳnh	Hương	29/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.142	161A080230	Huỳnh Phước	Huy	16/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.02.143	211A030535	Lê Hoàng	Huy	23/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.144	211A300065	Lê Quốc	Huy	06/08/2000	Đắk Lắk		
25	VHU.TAB1.02.145	211A050031	Nguyễn Hoàng	Huy	09/05/2003	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.02.146	211A030379	Nguyễn Nguyên	Huy	13/07/2003	Khánh Hòa		
27	VHU.TAB1.02.147	211A240044	Nguyễn Nhật	Huy	09/11/2003	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.02.148	221A100217	Nguyễn Nhật	Huy	04/11/1996	Lâm Đồng		
29	VHU.TAB1.02.149	201A050125	Thái Hiền	Huy	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.02.150	201A030164	Trần Gia	Huy	30/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.151	211A010172	Đinh Thị	Huyền	27/11/2003	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.152	221A100207	Nguyễn Thị Bích	Huyền	19/10/1987	Sóc Trăng		
33	VHU.TAB1.02.153	211A030414	Nguyễn Thị Kim	Huyền	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.154	211A050096	Nguyễn Thị Như	Huyền	20/10/2003	Phú Yên		
35	VHU.TAB1.02.155	211A050310	Phạm Thị Thanh	Huyền	22/08/2003	Long An		
36	VHU.TAB1.02.156	201A030362	Phan Thị Lệ	Huyền	13/07/2002	An Giang		
37	VHU.TAB1.02.157	211A030681	Vũ Thị Ngọc	Huyền	03/05/2003	Thanh Hoá		
38	VHU.TAB1.02.158	211A040137	Vũ Thị Thanh	Huyền	03/02/2003	Đồng Nai		
39	VHU.TAB1.02.159	201A030779	Nguyễn Minh	Kha	12/10/2002	Vĩnh Long		
40	VHU.TAB1.02.160	211A020003	Lê Quang	Khải	04/01/2003	Bến Tre		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT05
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.161	201A070082	Danh Quốc	Khang	11/01/2001	Kiên Giang		
2	VHU.TAB1.02.162	211A031270	Lê Trọng	Khang	09/10/2003	Vĩnh Long		
3	VHU.TAB1.02.163	211A050117	Trần Minh	Khang	26/03/2003	Bến Tre		
4	VHU.TAB1.02.164	221A011166	Trần Bảo	Khanh	28/07/2004	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.02.165	211A030419	Trương Thực	Khanh	29/10/2003	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.02.166	211A030738	Đinh Ngọc Phương	Khánh	17/05/2003	Bình Phước		
7	VHU.TAB1.02.167	211A210256	Đoàn Kim	Khánh	31/05/2003	Bình Phước		
8	VHU.TAB1.02.168	211A030132	Nguyễn Ngọc	Khánh	15/12/2003	Hải Phòng		
9	VHU.TAB1.02.169	211A031444	Nguyễn Quốc	Khánh	19/10/2003	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.02.170	211A030877	Nguyễn Bình Đăng	Khoa	15/02/2003	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.02.171	211A030944	Nguyễn Đăng	Khoa	09/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.02.172	221A310043	Nguyễn Đăng	Khoa	25/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.02.173	201A040050	Nguyễn Yên	Khoa	08/02/2002	Sóc Trăng		
14	VHU.TAB1.02.174	211A220004	Nguyễn Hoàng Minh	Khuê	23/12/2002	Bạc Liêu		
15	VHU.TAB1.02.175	211A031347	Bùi Mỹ	Khương	31/07/2003	Khánh Hoà		
16	VHU.TAB1.02.176	221A270043	Lê Hoàng Trọng	Khương	02/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.02.177	211A031008	Nguyễn Bá	Kiệt	15/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.178	211A080089	Nguyễn Thị Kim	Kiều	14/06/2003	Bình Thuận		
19	VHU.TAB1.02.179	211A170119	Võ Thị Diễm	Kiều	08/11/2003	Bình Thuận		
20	VHU.TAB1.02.180	211A030915	Võ Thị Hoàng	Kiều	30/11/2003	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.02.181	211A300103	Huỳnh Thị Hoàng	Kim	13/07/2003	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.02.182	191A070074	Nguyễn Thị Mỹ Anh	Kmăn	14/06/2001	Đắk Lắk		
23	VHU.TAB1.02.183	181A030754	Nguyễn Thành	Lâm	12/10/2000	Nghệ An		
24	VHU.TAB1.02.184	211A140222	Nguyễn Thị Mai	Lan	17/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.02.185	211A030946	Nguyễn Thị Phương	Lan	10/08/2003	Bình Phước		
26	VHU.TAB1.02.186	211A031294	Phạm Thị Hương	Lan	30/10/2003	Bắc Giang		
27	VHU.TAB1.02.187	191A140115	Tạ Thị	Lan	03/07/2001	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.02.188	221A370504	Võ Thụy Hoàng	Lan	20/12/2004	Tiền Giang		
29	VHU.TAB1.02.189	211A031421	Hoàng Thị Nhật	Lệ	09/12/2003	Đồng Nai		
30	VHU.TAB1.02.190	211A031036	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Lệ	15/09/2003	Bình Định		
31	VHU.TAB1.02.191	211A030421	Cao Nguyễn Ái	Linh	28/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.192	201A030336	Đỗ Thị Hồng	Linh	29/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.02.193	211A360031	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	26/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.194	201A080274	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	06/06/2002	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.02.195	211A030325	Lê Thị Mỹ	Linh	12/06/2003	Quảng Ngãi		
36	VHU.TAB1.02.196	211A300034	Nguyễn Lê Lam	Linh	27/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.02.197	211A030557	Nguyễn Ngọc Tuyết	Linh	11/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.02.198	211A031501	Nguyễn Thị Huyền	Linh	23/06/2003	Hà Nam		
39	VHU.TAB1.02.199	211A031559	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.02.200	211A070062	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	09/07/2003	Bình Định		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.201	211A031209	Phạm Dương Tường	Linh	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.02.202	211A080140	Trương Chí	Linh	09/08/2002	Tiền Giang		
3	VHU.TAB1.02.203	211A030463	Vũ Thị Tuyết	Linh	03/10/2003	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.02.204	211A031331	Vũ Thị Uyên	Linh	03/12/2002	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.02.205	201A030348	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	25/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.02.206	201A030376	Nguyễn Thị Tố	Loan	17/03/2002	Sóc Trăng		
7	VHU.TAB1.02.207	211A010238	Huỳnh Tấn	Lộc	28/08/2003	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.02.208	201A080345	Lê Minh	Lộc	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.209	211A230211	Lê Tuấn	Lộc	31/12/2003	Khánh Hoà		
10	VHU.TAB1.02.210	181A030567	Đặng Thị Bích	Lợi	13/08/2000	Bình Định		
11	VHU.TAB1.02.211	201A030015	Chu Vĩnh	Long	13/03/2001	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.02.212	191A080182	Nguyễn Phi	Long	10/05/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu		
13	VHU.TAB1.02.213	221A030808	Phạm Tân Hoàng	Long	18/09/2004	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.02.214	211A300061	Dương Tấn	Luân	12/07/2003	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.02.215	211A030770	Hồ Kim	Lượng	29/08/2003	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.02.216	211A070100	Lê Thanh Quỳnh	Ly	01/03/2003	Bình Định		
17	VHU.TAB1.02.217	201A320064	Lữ Vũ Khánh	Ly	27/10/2002	Bến Tre		
18	VHU.TAB1.02.218	201A070109	Nguyễn Thị Khánh	Ly	20/10/2002	Bắc Giang		
19	VHU.TAB1.02.219	221A210156	Nguyễn Thị	Lý	29/05/2004	Đắk Nông		
20	VHU.TAB1.02.220	221A100209	Trần Thị	Lý	17/06/1990	Hà Tĩnh		
21	VHU.TAB1.02.221	211A050293	Trương Thị Minh	Lý	27/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.222	211A220008	Dương Ngọc	Mai	06/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.02.223	221A080249	Huỳnh Ngọc Xuân	Mai	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.224	211A040036	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	17/10/2003	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.02.225	201A080312	Lê Ngọc	Mai	24/02/2002	Thanh Hóa		
26	VHU.TAB1.02.226	191A140047	Lê Ngọc Huỳnh	Mai	27/04/2001	Long An		
27	VHU.TAB1.02.227	211A070103	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	10/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.02.228	211A110056	Nguyễn Quỳnh	Mai	24/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.02.229	211A110037	Nguyễn Thị	Mai	25/11/1991	Nghệ An		
30	VHU.TAB1.02.230	211A310005	Nguyễn Thị Thu	Mai	04/09/2003	Bình Thuận		
31	VHU.TAB1.02.231	211A270005	Nguyễn Thị Xuân	Mai	04/09/2003	Bình Thuận		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.232	231A320243	Trần Ánh Sao	Mai	17/03/2005	Bình Dương		
33	VHU.TAB1.02.233	211A030125	Trần Xuân	Mai	20/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.234		Lê Gia	Mẫn	06/10/1999	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.02.235	181A250038	Lưu Lệ	Mẫn	26/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.02.236	201A010258	Đậu Đức	Mạnh	01/02/2001	Nghệ An		
37	VHU.TAB1.02.237	211A040084	Nguyễn Vũ Kiều	Mi	18/12/2001	Quảng Ngãi		
38	VHU.TAB1.02.238	181A250146	Phan Nguyễn Ngọc	Mi	19/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.02.239	211A230026	Lê Hoàng	Minh	06/04/2003	Long An		
40	VHU.TAB1.02.240	221A030935	Lê Hoàng	Minh	08/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT07
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.241	221A030406	Nhan Thái	Minh	18/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.02.242	191A080014	Võ Nhật	Minh	25/10/2001	An Giang		
3	VHU.TAB1.02.243	211A170276	Lê Thị Thanh	Mơ	20/03/2003	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.02.244	221A320021	Lưu Hoàng Yển	My	21/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.245	211A031218	Ngô Thị Lệ	My	17/04/2003	Quảng Ngãi		
6	VHU.TAB1.02.246	221A011241	Nguyễn Thị My	My	22/02/2004	Quảng Ngãi		
7	VHU.TAB1.02.247	181A210043	Võ Tiểu	My	19/07/2000	Kiên Giang		
8	VHU.TAB1.02.248	201A040104	Bùi Điền	Mỹ	07/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.249	211A040233	Trần Lê Hoài	Mỹ	06/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.250	211A300002	Vũ Ngọc	Mỹ	04/11/2003	Kiên Giang		
11	VHU.TAB1.02.251	211A031534	Võ Lê Thùy	My	01/03/2002	An Giang		
12	VHU.TAB1.02.252	211A050066	Sa Phi	Na	19/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.02.253	211A220007	Đặng Hoàng	Nam	05/11/2003	Long An		
14	VHU.TAB1.02.254	201A050152	Nguyễn Thanh	Ngà	24/10/2002	Bình Thuận		
15	VHU.TAB1.02.255	211A031125	Bùi Kim	Ngân	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.256	201A080147	Bùi Thị Thuý	Ngân	05/03/2002	Bình Phước		
17	VHU.TAB1.02.257	201A030386	Giang Thảo	Ngân	06/02/2002	Long An		
18	VHU.TAB1.02.258	201A030059	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/08/2002	Bến Tre		
19	VHU.TAB1.02.259	211A030206	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/04/2003	Long An		
20	VHU.TAB1.02.260	211A030668	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16/02/2003	Đắk Lắk		
21	VHU.TAB1.02.261	211A090029	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	04/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.262	221A031373	Nguyễn Thuý Hồng	Ngân	24/03/2004	Đà Nẵng		
23	VHU.TAB1.02.263	191A030263	Phạm Ngọc Khánh	Ngân	28/04/2001	Đồng Nai		
24	VHU.TAB1.02.264	211A210178	Trần Thị Thúy	Ngân	04/03/2003	Bình Định		
25	VHU.TAB1.02.265	201A050174	Võ Nguyễn Thanh	Ngân	17/04/2002	Bình Định		
26	VHU.TAB1.02.266	221A371138	Võ Thị Kim	Ngân	29/11/2002	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.02.267	211A050217	Võ Thị Thanh	Ngân	13/03/2003	Bình Thuận		
28	VHU.TAB1.02.268	211A050194	Võ Tuyết	Ngân	14/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.02.269	221A370526	Huỳnh Đông	Nghi	19/04/2004	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.02.270	211A240041	Nguyễn Hoài Phương	Nghi	03/12/2003	Đồng Nai		
31	VHU.TAB1.02.271	211A210166	Nguyễn Tổ	Nghi	07/01/2003	Cà Mau		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.272	221A050135	Trang Phụng	Nghi	23/04/2003	Tây Ninh		
33	VHU.TAB1.02.273	211A031123	Võ Đình	Nghi	19/12/2003	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.02.274	211A100052	Đặng Công	Nghĩa	22/02/2003	Bình Thuận		
35	VHU.TAB1.02.275	191A080016	Lâm Minh	Nghĩa	06/03/2001	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT08
Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.276	201A080313	Quách Thành	Nghĩa	21/12/2002	Bạc Liêu		
2	VHU.TAB1.02.277	201A080355	Lê Bảo	Ngọc	25/04/2002	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.02.278	211A030876	Lê Thị Giáng	Ngọc	01/06/2003	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.02.279	221A050505	Lê Võ Bảo	Ngọc	10/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.280	211A030947	Nguyễn Bích	Ngọc	04/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.02.281	211A050145	Nguyễn Hoài	Ngọc	02/03/2003	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.02.282	211A030372	Nguyễn Thị	Ngọc	17/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.02.283	211A030507	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/05/2003	Vĩnh Long		
9	VHU.TAB1.02.284	181A080170	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	27/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.285	211A040194	Trần Nguyễn Ánh	Ngọc	18/08/2003	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.02.286	211A210057	Trần Thị Hồng	Ngọc	14/12/2003	Trà Vinh		
12	VHU.TAB1.02.287	211A320055	Trương Bảo	Ngọc	21/06/2003	Bình Dương		
13	VHU.TAB1.02.288	181A080423	Trương Thanh Mỹ	Ngọc	22/11/2000	An Giang		
14	VHU.TAB1.02.289	221A010250	Đào Phạm Cao	Nguyên	18/12/2004	Bến Tre		
15	VHU.TAB1.02.290	201A300004	Dương Thị Thảo	Nguyên	13/03/2002	An Giang		
16	VHU.TAB1.02.291	191A250017	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	14/02/2000	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.02.292	191A010052	La Thành Bảo	Nguyên	25/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.293	221A080025	Lê Phạm Thảo	Nguyên	15/09/2004	An Giang		
19	VHU.TAB1.02.294	211A210005	Nguyễn Ngọc	Nguyên	19/01/2003	Đắk Nông		
20	VHU.TAB1.02.295	211A240077	Nguyễn Phước Hoàng	Nguyên	16/11/2002	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.02.296	211A050352	Hồ Thị	Nguyệt	14/04/2003	Bình Định		
22	VHU.TAB1.02.297	201A030401	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	10/09/2002	Bình Thuận		
23	VHU.TAB1.02.298	221A080328	Nguyễn Lê Thanh	Nhã	02/07/2004	Bình Định		
24	VHU.TAB1.02.299	221A370503	Bùi Thị Thanh	Nhàn	05/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.02.300	201A030189	Dương Thành	Nhân	07/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.301	211A010316	Ngô Ngọc	Nhân	27/07/2003	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.02.302	181A080337	Võ Thành	Nhân	07/04/2000	Ninh Thuận		
28	VHU.TAB1.02.303	211A090024	Đỗ Lê Yến	Nhi	16/07/2003	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.02.304	211A030394	Hà	Nhi	08/03/2003	Trà Vinh		
30	VHU.TAB1.02.305	221A030302	Ngô Thị Kiều	Nhi	15/12/2004	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.02.306	211A030129	Nguyễn Cao Thảo	Nhi	13/09/2003	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.307	211A330030	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	28/02/2003	Vĩnh Long		
33	VHU.TAB1.02.308	201A030298	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	09/12/2002	Hải Phòng		
34	VHU.TAB1.02.309	211A030592	Nguyễn Thị Yên	Nhi	06/05/2003	An Giang		
35	VHU.TAB1.02.310	211A030956	Nguyễn Thị Yên	Nhi	30/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT09
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.311	211A210082	Phạm Thị Hồng	Nhi	16/08/2003	Quảng Ngãi		
2	VHU.TAB1.02.312	211A030938	Phạm Thị Huỳnh	Nhi	09/11/2003	Vĩnh Long		
3	VHU.TAB1.02.313	211A090001	Phạm Thị Uyên	Nhi	26/04/2003	Quảng Ngãi		
4	VHU.TAB1.02.314	211A050254	Trần Ngọc	Nhi	25/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
5	VHU.TAB1.02.315	211A031216	Trần Thị Tuyết	Nhi	14/12/2003	An Giang		
6	VHU.TAB1.02.316	201A090003	Trần Thị Yến	Nhi	18/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.02.317	231A040195	Trịnh Thị Yến	Nhi	01/06/2004	Thanh Hoá		
8	VHU.TAB1.02.318	211A210024	Võ Ngọc Yến	Nhi	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.319	211A100015	Châu Vận	Như	03/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.320	211A220012	Diệp Thị Quỳnh	Như	27/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.02.321	211A031335	Hồ Thị Kim	Như	08/02/2003	Tiền Giang		
12	VHU.TAB1.02.322	221A240034	Lâm Tâm	Như	07/10/2004	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.02.323	211A031513	Lê Thị Quỳnh	Như	18/05/2003	Đắk Lắk		
14	VHU.TAB1.02.324	211A090013	Nguyễn Huỳnh	Như	01/12/2003	Đồng Nai		
15	VHU.TAB1.02.325	201A070199	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	27/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.326	221A320016	Nguyễn Ngô Quỳnh	Như	16/06/2004	Bến Tre		
17	VHU.TAB1.02.327	211A031227	Nguyễn Tâm	Như	19/10/2003	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.02.328	211A030471	Nguyễn Thị Bích	Như	19/05/2003	Khánh Hoà		
19	VHU.TAB1.02.329	201A080235	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	24/08/2002	Tiền Giang		
20	VHU.TAB1.02.330	201A030126	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	30/08/2002	Đắk Lắk		
21	VHU.TAB1.02.331	211A320091	Trần Nguyễn Hạ	Như	06/04/2003	Bình Phước		
22	VHU.TAB1.02.332	211A040107	Trần Thị Huỳnh	Như	20/03/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
23	VHU.TAB1.02.333	211A080080	Trịnh Gia	Như	01/03/2003	Bạc Liêu		
24	VHU.TAB1.02.334	201A080224	Văn Huỳnh	Như	11/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.02.335	211a030415	Võ Thị Hạnh	Như	24/07/2003	Đồng Nai		
26	VHU.TAB1.02.336	201A080107	Trần Thị Nguyễn	Nhung	11/03/2002	Đồng Tháp		
27	VHU.TAB1.02.337	201A030430	Võ Thị Kim	Nhường	25/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.02.338	211A030449	Đinh Thị Mỹ	Nương	07/01/2003	Gia Lai		
29	VHU.TAB1.02.339	201A030393	Trần Thị Hoài	Ny	18/09/2001	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.02.340	211A030086	Bùi Thị Kiều	Oanh	20/10/2003	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.02.341	211A300097	Phạm Hoàng Ngọc	Oanh	30/11/2003	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.342	211A290026	Lâm Đức	Phát	25/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.02.343	211A080115	Lương Thành	Phát	16/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.344	211A010206	Nguyễn Cẩm	Phát	09/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.02.345	191A260005	Trần Tứ	Phát	20/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT10
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.346	221A210413	Phan Ngọc	Phú	12/10/2004	Tiền Giang		
2	VHU.TAB1.02.347	201A030580	Kiều Gia	Phúc	01/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.02.348	211A030358	Lâm Hoàng	Phúc	19/09/2003	Long An		
4	VHU.TAB1.02.349	201A320031	Nguyễn Đoàn Thiên	Phúc	15/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.350	211A030688	Phạm Hoàng	Phúc	06/12/2003	Tiền Giang		
6	VHU.TAB1.02.351	211A010033	Phan Huỳnh	Phúc	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.02.352	221A370460	Trần Phạm Thiên	Phúc	22/11/2002	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.02.353	201A070211	Lê Kim	Phụng	21/08/2002	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.02.354	181A030002	Phạm Dương Minh	Phụng	29/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.355	181A250114	Chế Nguyễn Uyên	Phương	09/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.02.356	181A210073	Đinh Thị Bích	Phương	15/10/2000	Kiên Giang		
12	VHU.TAB1.02.357	221A320070	Hà Nguyễn Ngọc	Phương	30/12/2004	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.02.358	211A031496	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	08/02/2003	Bình Thuận		
14	VHU.TAB1.02.359	211A210286	Lê Huỳnh Minh	Phương	06/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.02.360	201A040094	Lê Nguyễn Nam	Phương	27/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.361	211A050152	Lê Nguyễn Trí	Phương	21/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.02.362	211A310058	Ngô Thanh	Phương	01/01/2003	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.02.363	211A030965	Nguyễn Hoàng	Phương	21/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.02.364	191A010104	Nguyễn Ngọc	Phương	31/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.365	211A031172	Nguyễn Ngọc	Phương	09/04/2003	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.02.366	211A230127	Nguyễn Trang Thanh	Phương	17/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.367	211A040047	Trần Cẩm	Phương	31/10/2003	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.02.368	201A030450	Vũ Thị Ngọc	Phương	10/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.369	211A031433	Lê Ngọc	Phượng	27/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.02.370	201A030714	Đỗ Quốc	Quân	17/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.371	221A210043	Lê Hồng	Quân	03/01/2004	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.02.372	201A030501	Trần Minh	Quân	10/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.02.373	211A050173	Lê Nho	Quang	23/09/2003	Quảng Nam		
29	VHU.TAB1.02.374	201A290035	Nguyễn Đức	Quang	13/09/2002	Hải Dương		
30	VHU.TAB1.02.375	201A030018	Trần Nguyễn Minh	Quang	16/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.376	211A030152	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	08/07/2003	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.377	211A030520	Bùi Ngọc	Quý	27/10/2003	Kiên Giang		
33	VHU.TAB1.02.378	201A320068	Dương Minh	Quý	01/08/2002	Ninh Thuận		
34	VHU.TAB1.02.379	211A230065	Mai Thị	Quý	14/11/2003	Thanh Hoá		
35	VHU.TAB1.02.380	211A010344	Lê Nhất	Quý	24/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT11
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.381	211A050180	Bùi Thị Phương	Quyên	25/07/2002	Long An		
2	VHU.TAB1.02.382	211A230188	Đỗ Thị Ngọc	Quyên	04/12/2003	Bình Phước		
3	VHU.TAB1.02.383	211A210281	Ngô Thị Ngọc	Quyên	13/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.02.384	211A031255	Nguyễn Song Thảo	Quyên	21/04/2003	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.02.385	211A030183	Nguyễn Thị Phương	Quyên	03/07/2003	Tiền Giang		
6	VHU.TAB1.02.386	201A070176	Nguyễn Thị Thu	Quyên	16/02/2002	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.02.387	211A050235	Nguyễn Trần Thục	Quyên	10/12/2003	Quảng Nam		
8	VHU.TAB1.02.388	221A270084	Đoàn Phúc Diễm	Quỳnh	24/08/2004	Bình Định		
9	VHU.TAB1.02.389	211A031297	Lương Như	Quỳnh	22/02/2003	Phú Yên		
10	VHU.TAB1.02.390	211A230184	Trần Thái Như	Quỳnh	06/09/2003	Bình Thuận		
11	VHU.TAB1.02.391	191A050041	Za Ki	Rah	20/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.02.392	201A030174	Bùi Thị Thúy	Sương	11/07/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu		
13	VHU.TAB1.02.393	201A010208	Bùi Thanh	Tài	17/07/2002	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.02.394	191A010134	Vô Phát	Tài	13/01/2001	Kiên Giang		
15	VHU.TAB1.02.395	161A010023	Đinh Hoàng	Tâm	03/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.396	211A070111	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	02/02/2003	Phú Yên		
17	VHU.TAB1.02.397	201A330024	Lâm Mỹ	Tâm	27/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.398	221A031041	Nguyễn Hà Minh	Tâm	21/08/2004	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.02.399	211A210221	Nguyễn Ngọc Mẫu	Tâm	06/09/2003	Bình Thuận		
20	VHU.TAB1.02.400	211A320096	Trần Huỳnh Ái	Tâm	22/04/2003	Bình Thuận		
21	VHU.TAB1.02.401	201A080166	Trần Thị Xuân	Tâm	08/03/2002	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.02.402	211A050331	Đặng Duy	Tân	09/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.02.403	181A250024	Trương Minh	Tân	12/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.404	221A010973	Đinh Nhật	Tân	15/11/2004	Tiền Giang		
25	VHU.TAB1.02.405	211A010404	Nguyễn Quốc	Thái	26/09/2003	Quảng Ngãi		
26	VHU.TAB1.02.406	211A030559	Nguyễn Trần Quốc	Thái	30/09/2003	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.02.407	221A320228	Cái Thị Hồng	Thắm	06/06/2004	Long An		
28	VHU.TAB1.02.408	201A030306	Trần Thị	Thắm	04/07/2002	Ninh Thuận		
29	VHU.TAB1.02.409	211A031030	Trần Thị Thu	Thắm	10/06/2003	Bình Định		
30	VHU.TAB1.02.410	211A030418	Đinh Văn	Thắng	28/12/2003	Thanh Hoá		
31	VHU.TAB1.02.411	201A030297	Hồ Văn	Thắng	20/10/2000	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.412	221A110025	Phan Hữu	Thắng	12/01/2004	Tiền Giang		
33	VHU.TAB1.02.413	191A030148	Phan Văn	Thắng	05/07/2001	Phú Yên		
34	VHU.TAB1.02.414	211A320023	Trịnh Quốc	Thắng	18/05/2003	Cà Mau		
35	VHU.TAB1.02.415	201A010213	Vũ Cao	Thắng	22/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT12
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.416	211A190003	Hà	Thanh	22/03/2001	Nghệ An		
2	VHU.TAB1.02.417	211A050242	Huỳnh Thị Châu	Thanh	23/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.02.418	191A010041	Lê Hồng	Thanh	01/04/2001	Ninh Thuận		
4	VHU.TAB1.02.419	201A080207	Lê Nguyễn Gia	Thanh	04/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.420	201A150099	Phạm Như	Thanh	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.02.421	211A030393	Phan Lê Yến	Thanh	12/03/2003	Khánh Hòa		
7	VHU.TAB1.02.422	211A030145	Trần Bích	Thanh	04/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.02.423	201A230083	Nguyễn An	Thành	04/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.424	211A210245	Nguyễn Công	Thành	05/11/2003	Long An		
10	VHU.TAB1.02.425	211A070095	Đỗ Ngọc Phương	Thảo	12/05/2003	Long An		
11	VHU.TAB1.02.426	211A110034	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	25/07/2003	Sóc Trăng		
12	VHU.TAB1.02.427	201A080403	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/03/2002	Thái Bình		
13	VHU.TAB1.02.428	211A030942	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.02.429	211A300024	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/06/2003	Bình Dương		
15	VHU.TAB1.02.430	221A050651	Phạm Thị Phương	Thảo	18/12/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu		
16	VHU.TAB1.02.431	181A150250	Phan Phương	Thảo	17/10/2000	Đồng Nai		
17	VHU.TAB1.02.432	201A030606	Trần Thị Thanh	Thảo	11/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.433	201A050041	Nguyễn Thị Yến	Thị	21/11/2002	Bến Tre		
19	VHU.TAB1.02.434	221A030504	Bùi Quốc	Thiên	26/03/2004	Bình Phước		
20	VHU.TAB1.02.435	201A030418	Liu Minh	Thiệu	06/07/2002	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.02.436	221A080108	Phan Ngọc	Thơ	10/02/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.02.437	211A010325	Lê	Thoại	22/11/2003	Thanh Hoá		
23	VHU.TAB1.02.438	211A010290	Đặng Hoàng	Thông	05/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.439	211A030326	Trần Văn	Thông	21/03/2003	Ninh Thuận		
25	VHU.TAB1.02.440	211A210095	Nguyễn Lữ Lệ	Thu	22/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.441	211A030525	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/07/2003	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.02.442	221A150017	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	15/03/2004	Đồng Nai		
28	VHU.TAB1.02.443	211A050102	Bùi Anh	Thư	02/01/2003	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.02.444	201A210053	Bùi Huỳnh Anh	Thư	12/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.02.445	211A080162	Đào Thị Anh	Thư	27/05/2003	Long An		
31	VHU.TAB1.02.446	181A030677	Lê Ngọc Minh	Thư	19/11/2000	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.447	211A031467	Lê Thị Anh	Thư	14/01/2003	Tây Ninh		
33	VHU.TAB1.02.448	221A230431	Ngô Thị Kim	Thư	24/10/2004	Quảng Trị		
34	VHU.TAB1.02.449	211A030424	Nguyễn Anh	Thư	09/10/2003	Bến tre		
35	VHU.TAB1.02.450	201A160090	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	15/07/2002	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT13
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.451	211A320073	Phạm Minh	Thư	24/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.02.452	211A030146	Trần Nhật Minh	Thư	22/12/2003	An Giang		
3	VHU.TAB1.02.453	211A031281	Trần Thị Minh	Thư	13/03/2003	Bến Tre		
4	VHU.TAB1.02.454	201A030663	Võ Thị Ngọc	Thư	06/11/2002	Khánh Hoà		
5	VHU.TAB1.02.455	201A010044	Châu Văn	Thuận	25/11/2002	Cà Mau		
6	VHU.TAB1.02.456	201A320023	Lê Văn	Thuận	14/08/2002	Ninh Thuận		
7	VHU.TAB1.02.457	221A370302	Châu Thị	Thương	18/05/2004	Bình Định		
8	VHU.TAB1.02.458	211A030905	Nguyễn Thị Đan	Thương	17/10/2003	Bình Phước		
9	VHU.TAB1.02.459	211A031250	Nguyễn Thị Hoài	Thương	20/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.460	211A050308	Tạ Thị Ngọc	Thương	30/09/2003	Quảng Ngãi		
11	VHU.TAB1.02.461	211A140100	Vũ Ngọc	Thương	11/10/2003	Bình Phước		
12	VHU.TAB1.02.462	221A011090	Đào Thị Như	Thuý	20/05/2004	Quảng Ngãi		
13	VHU.TAB1.02.463	211A031436	Lê Thanh	Thuý	10/08/2003	Quảng Ngãi		
14	VHU.TAB1.02.464	211A030921	Nguyễn Thanh	Thuý	29/04/2003	Tiền Giang		
15	VHU.TAB1.02.465	201A040100	Nguyễn Thị Thu	Thuý	08/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.466	211A031499	Hoàng Thị Phương	Thủy	18/07/2003	Quảng Bình		
17	VHU.TAB1.02.467	211A240001	Nguyễn Nữ Đan	Thủy	06/05/2003	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.02.468	211A030685	Trịnh Thị Thanh	Thủy	25/03/2003	Long An		
19	VHU.TAB1.02.469	211A080194	Nguyễn Minh	Thùy	03/06/2003	Đồng Tháp		
20	VHU.TAB1.02.470	211A031242	Trịnh Mỹ	Thùy	30/01/2003	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.02.471	211A240007	Bùi Cát Uyên	Thy	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.472	211A030521	Lê Anh	Thy	24/07/2003	Tiền Giang		
23	VHU.TAB1.02.473	201A230012	Nguyễn Hoàng Kim	Thy	13/08/2002	Bình Phước		
24	VHU.TAB1.02.474	211A030570	Nguyễn Trúc	Thy	04/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
25	VHU.TAB1.02.475	211A210160	Trần Nguyễn Trúc	Thy	05/06/2003	Tiền Giang		
26	VHU.TAB1.02.476	221A031381	Võ Hoàng Xuân	Thy	25/11/2004	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.02.477	211A300048	Lê Thị Cẩm	Tiên	09/03/2003	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.02.478	211A090004	Nguyễn Huỳnh Thuý	Tiên	10/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.02.479	211A040128	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	07/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.02.480	211A300096	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20/02/2003	Cà Mau		
31	VHU.TAB1.02.481	181A090018	Nguyễn Thị Trúc	Tiên	05/07/2000	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.02.482	221A031215	Nhang Thị Mỹ	Tiên	27/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
33	VHU.TAB1.02.483	211A210035	Trần Thị Thuý	Tiên	04/01/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
34	VHU.TAB1.02.484	181A070152	Trần Hà	Tiến	16/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu		
35	VHU.TAB1.02.485	211A310023	Nguyễn Đăng Trung	Tín	08/04/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
36	VHU.TAB1.02.486	181A030336	Nguyễn Quý	Tín	21/12/2000	Quảng Ngãi		
37	VHU.TAB1.02.487	211A110053	Phan Hồng	Tín	04/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.02.488	211A030666	Nguyễn Trọng	Toàn	30/04/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.02.489	191A010141	Nguyễn Văn	Toàn	12/05/2001	Bình Phước		
40	VHU.TAB1.02.490	211A010358	Phùng Sở	Toàn	19/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT14
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.491	211A210044	Hồ Ngọc Bảo	Trâm	16/08/2003	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.02.492	221A031012	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	23/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.02.493	211A100060	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	06/03/2003	Thanh Hóa		
4	VHU.TAB1.02.494	211A031197	Trần Phúc Bích	Trâm	25/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.495	201A070026	Trương Bích	Trâm	06/12/2002	Bến Tre		
6	VHU.TAB1.02.496	211A031546	Hàng Phương	Trân	18/11/2000	Ninh Thuận		
7	VHU.TAB1.02.497	221A370485	Huỳnh Trần	Trân	13/01/2004	Cà Mau		
8	VHU.TAB1.02.498	211A030184	Nguyễn Thị Bảo	Trân	10/07/2003	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.02.499	211A030364	Phạm Hồng Bảo	Trân	16/01/2003	Kiên Giang		
10	VHU.TAB1.02.500	221A370640	Trần Lê Ngọc	Trân	18/10/2003	Tiền Giang		
11	VHU.TAB1.02.501	221A030167	Đào Thụy Phương	Trang	14/01/2004	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.02.502	211A270024	Diệp Thùy	Trang	07/06/2003	Tiền Giang		
13	VHU.TAB1.02.503	221A371165	Đoàn Thị Kiều	Trang	12/04/2004	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.02.504	201A040018	Lê Hoàng Thảo	Trang	20/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.02.505	221A030119	Lê Thị Thùy	Trang	28/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.506	221A370730	Lý Thị Thu	Trang	14/03/2004	Đắk Nông		
17	VHU.TAB1.02.507	211A040249	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/07/2003	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.02.508	171A100015	Nguyễn Thị Nhật	Trang	02/02/1995	Bình Thuận		
19	VHU.TAB1.02.509	211A030892	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	25/03/2003	Tiền Giang		
20	VHU.TAB1.02.510	211A030409	Nguyễn Thị Thủy	Trang	28/01/2002	Bắc Giang		
21	VHU.TAB1.02.511	211A050010	Nguyễn Thị Thủy	Trang	28/09/2001	Bến Tre		
22	VHU.TAB1.02.512	201A040014	Nguyễn Thủy	Trang	09/02/2002	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.02.513	211A080071	Phạm Thị	Trang	27/04/2003	Bình Phước		
24	VHU.TAB1.02.514	211A050005	Trà Thị Kiều	Trang	02/11/2003	Sóc Trăng		
25	VHU.TAB1.02.515	211A010352	Nguyễn Đức	Trí	07/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.516	201A310005	Huỳnh Thanh	Triều	14/06/2001	Bình Dương		
27	VHU.TAB1.02.517	221A050125	Lâm Tú	Trình	02/03/2003	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.02.518	211A040239	Phan Thị	Trình	25/01/2003	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.02.519	181A030265	Trần Ngọc Phương	Trình	25/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.02.520	211A031557	Trần Thị Thanh	Trúc	26/01/2003	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.02.521	201A010065	Nguyễn Bùi Hiếu	Trung	28/03/2002	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.522	221A030323	Nguyễn Nhật	Trường	16/10/2004	Cần Thơ		
33	VHU.TAB1.02.523	201A080026	Vũ Hoàng	Trường	27/08/2002	Long An		
34	VHU.TAB1.02.524	201A030417	Nguyễn Quốc	Trường	12/02/2002	Tiền Giang		
35	VHU.TAB1.02.525	211A010298	Mai Thành	Truyền	11/02/2003	Long An		
36	VHU.TAB1.02.526	211A031041	Nguyễn Phạm Anh	Tú	08/09/2003	Khánh Hoà		
37	VHU.TAB1.02.527	211A080009	Trần Thị Cẩm	Tú	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.02.528	221A320101	Trần Văn	Tuấn	02/01/2004	Bình Dương		
39	VHU.TAB1.02.529	211A040130	Nguyễn Thanh	Tùng	07/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.02.530	201A230107	Dương Cát	Tường	18/01/2002	Quảng Nam		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT15
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

CBCCKTr1:
CBCCKTr2:

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:
Ký tên:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.531	221A050428	Bùi Thuý	Tuyên	28/11/2004	Quảng Ngãi		
2	VHU.TAB1.02.532	211A210062	Đinh Nguyễn Thanh	Tuyền	27/02/2003	Tiền Giang		
3	VHU.TAB1.02.533	221A370690	Nguyễn Thị Phương	Tuyền	08/06/2004	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.02.534	211A050245	Tần Trang	Tuyền	13/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.02.535	201A240006	Trần Huỳnh Mộng	Tuyền	20/09/2002	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.02.536	201A100008	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/2001	Bến Tre		
7	VHU.TAB1.02.537	211A040178	Bùi Thị	Tuyệt	04/10/2003	Nghệ An		
8	VHU.TAB1.02.538	221A370688	Phạm Ánh	Tuyệt	31/08/2004	Cần Thơ		
9	VHU.TAB1.02.539	211A210263	Đỗ Thu	Uyên	22/06/2003	An Giang		
10	VHU.TAB1.02.540	201A080137	Hạ Nguyễn Kim	Uyên	27/05/2002	An Giang		
11	VHU.TAB1.02.541	211A230081	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên	07/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
12	VHU.TAB1.02.542	211A050003	Lại Sơn Bảo	Uyên	18/12/2003	Sóc Trăng		
13	VHU.TAB1.02.543	211A031411	Lê Thị Kim	Uyên	19/08/2003	Bình Dương		
14	VHU.TAB1.02.544	211A300077	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.02.545	201A080386	Nguyễn Phương	Uyên	28/05/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu		
16	VHU.TAB1.02.546	211A050139	Phạm Nguyễn Nhã	Uyên	02/09/2003	Quảng Nam		
17	VHU.TAB1.02.547	211A040074	Trần Tú	Uyên	01/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.548	201A080114	Đào Thị Bích	Vân	15/09/2002	An Giang		
19	VHU.TAB1.02.549	211A030049	Hồ Thị Thuý	Vân	16/09/2003	Bình Phước		
20	VHU.TAB1.02.550	211A230095	Nguyễn Đăng Hải	Vân	11/10/2003	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.02.551	181A170081	Nguyễn Ngọc Khánh	Vân	01/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.552	221A030298	Nguyễn Thị	Vân	20/05/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.02.553	211A030434	Trần Thị Thanh	Vân	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.02.554	191A080212	Trịnh Thị Hồng	Vân	12/11/2001	Trà Vinh		
25	VHU.TAB1.02.555	201A030396	Đoàn Lâm Nhật	Vi	17/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.556	211A031243	Dương Tuyết	Vi	27/09/2003	An Giang		
27	VHU.TAB1.02.557	181A030417	Nguyễn Phạm Mỹ	Vi	24/03/2000	Bình Phước		
28	VHU.TAB1.02.558	211A270021	Nguyễn Thúy	Vi	02/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.02.559	221A370331	Võ Ngọc Thảo	Vi	02/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.02.560	211A230115	Nguyễn Hoàng	Vĩ	16/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.561	201A210007	Nguyễn Thị Kim	Vị	22/02/2001	Bình Thuận		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
32	VHU.TAB1.02.562	201A130002	Lê Vũ Quang	Vinh	30/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.02.563	211A050343	Nguyễn Đăng Quang	Vinh	20/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.564	201A050033	Nguyễn Huỳnh Thái	Vinh	21/02/2002	An Giang		
35	VHU.TAB1.02.565	201A010102	Bùi Tá	Vũ	04/01/2002	Quảng Ngãi		
36	VHU.TAB1.02.566	211A210030	Nguyễn Ngọc Phi	Vũ	17/10/2003	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.02.567	211A030403	Nguyễn Văn	Vũ	06/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.02.568	211A300085	Nguyễn Văn Hùng	Vũ	03/09/2002	Bình Thuận		
39	VHU.TAB1.02.569	201A070088	Trương Nguyễn Anh	Vũ	10/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.02.570	211A030870	Võ Nguyên	Vũ	16/10/2003	Bình Định		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 02 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú, Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT16
Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 11/5/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.02.571	211A030110	Lê Thị	Vương	08/01/2003	Ninh Thuận		
2	VHU.TAB1.02.572		Trần Văn	Vương	10/02/1982	Quảng Trị		
3	VHU.TAB1.02.573	201A240026	Đoàn Thảo	Vy	16/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.02.574	211A360024	Dương Thị Cẩm	Vy	28/02/2003	Đắk Nông		
5	VHU.TAB1.02.575	211A030566	Huỳnh Khả	Vy	12/02/2003	Kiên Giang		
6	VHU.TAB1.02.576	231A040033	Huỳnh Thuý	Vy	30/03/2005	Cà Mau		
7	VHU.TAB1.02.577	211A050292	Huỳnh Triệu	Vy	11/07/2003	Tiền Giang		
8	VHU.TAB1.02.578	211A210116	Lê Ngọc Yến	Vy	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.02.579	211A080204	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	27/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.02.580	231A230607	Nguyễn Thanh	Vy	26/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.02.581	211A030004	Nguyễn Thanh Thảo	Vy	10/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.02.582	211A031023	Nguyễn Thúy	Vy	28/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.02.583	201A320079	Nguyễn Trần Ngọc Phương	Vy	11/07/2002	Long An		
14	VHU.TAB1.02.584	211A030762	Phạm An Thuý	Vy	16/11/2003	Bến Tre		
15	VHU.TAB1.02.585	211A030910	Phạm Ngô Tường	Vy	16/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.02.586	211A210135	Phan Ngọc Tường	Vy	05/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.02.587	191A110013	Trần Hoàng Yến	Vy	15/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.02.588	203A030208	Trần Thị Yến	Vy	17/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.02.589	211A320112	Trương Thụy Trúc	Vy	23/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.02.590	181A210090	Võ Khả	Vy	14/09/2000	Kiên Giang		
21	VHU.TAB1.02.591	211A030468	Võ Phạm Thuý	Vy	24/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.02.592	221A010927	Võ Thị Trúc	Xinh	07/05/2004	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.02.593	211A080226	Lê Thị Kim	Xuân	01/02/2003	An Giang		
24	VHU.TAB1.02.594	211A080104	Nguyễn thanh	Xuân	30/08/2003	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.02.595	201A160065	Phạm Đặng Như	Xuân	30/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.02.596	201A030732	Phạm Vương Kim	Xuân	28/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.02.597	221A371059	Trần Thị	Xuân	14/12/2004	Đắk Nông		
28	VHU.TAB1.02.598	211A030529	Trần Thị Lệ	Xuân	10/08/2003	Long An		
29	VHU.TAB1.02.599	201A050028	Lưu Hồng	Xuyến	14/11/2002	Trà Vinh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
30	VHU.TAB1.02.600	211A030310	Huỳnh Như	Ý	03/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.02.601	221A230502	Huỳnh Như	Ý	28/05/2004	Kiên Giang		
32	VHU.TAB1.02.602	211A050250	Lê Huỳnh Như	Ý	24/10/2003	Lâm Đồng		
33	VHU.TAB1.02.603	211A030699	Lý Ngọc Như	Ý	15/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.02.604	211A030674	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	30/10/2003	Khánh Hoà		
35	VHU.TAB1.02.605	211A300046	Trần Công	Ý	01/07/2003	Bến Tre		
36	VHU.TAB1.02.606	211A031312	Trần Thị Như	Ý	18/06/2003	Tiền Giang		
37	VHU.TAB1.02.607	221A080042	Trần Thị Như	Ý	14/02/2004	Bình Định		
38	VHU.TAB1.02.608	191A160033	Huỳnh Hải	Yến	01/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.02.609	211A030710	Phan Kim	Yến	01/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.02.610	211A030899	Trương Nguyễn Hoàng	Yến	18/03/2002	Hải Phòng		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết